

中國香港體操總會
2011年全港競技體操公開及新秀比賽
運動員名單及出場次序

男子公開組

運動員編號	姓名	Name	鞍馬	吊環	單槓	雙槓	自由體操	跳馬
B101	潘駿傑	Poon Chun Kit Sampson	12	10	7	8	1	11
B102	梅豐	Mui Feng Julian	1	11	8	9	2	12
B103	鄭樂珩	Cheng Lok Heng	2	1	9	10	3	13
B104	宋劭晞	Sung Shiu Hei Hayes	3	2	10	11	4	1
B105	司徒天德	Seto Tin Tak	4	3	11	1	5	2
B106	詹文軒	Jim Man Hin	5	4	1	2	6	3
B107	邱沚峯	Yau Tsz Fung	-	-	-	-	7	4
B108	廖錦華	Liu Kam Wah	6	5	2	3	8	5
B109	孫睿智	Suen Yui Chi	-	-	-	-	9	6
B110	吳翹充	Ng Kiu Chung	7	6	3	4	10	7
B111	李萬軒	Lee Man Hin Frankie	8	7	4	5	11	8
B112	梁毅朗	Leung Ngai Long	9	8	5	6	12	9
B113	陳展鋒	Chan Chin Fung	10	9	6	7	13	10
B114	潘偉倫	Pun Wai Lun	11	-	-	-	-	-

更新日期：2010年12月31日

中國香港體操總會
2011年全港競技體操公開及新秀比賽
運動員名單及出場次序

女子公開組

運動員編號	姓名	Name	自由體操	跳馬	高低槓	平衡木
G101	梁嘉雯	Karman Leung Ka Man	14	1	16	15
G102	陳芷芯	Chan Tsz Sum, Elizabeth	15	2	1	16
G103	郭泳希	Phoebe Kwok Wing Hei	16	3	2	1
G104	陸思諾	Luk Denlisa Sze Lok	1	4	3	2
G105	徐斯韻	Tsui Sze Wan	2	5	4	3
G106	關琇中	Kwan Sau Chung	3	6	5	4
G107	白麗明	Kathleen Pak	4	7	6	5
G108	蔡念恩	Choi Nim Yan	5	8	7	6
G109	吳恩言	Ng Yan Yin	6	9	8	7
G110	譚巧靈	Tam Hau Ling	7	10	9	8
G111	馮希敏	Fung Hei Man	8	11	10	9
G112	黃曉盈	Wong Hiu Ying Angel	9	12	11	10
G113	任芷筠	Ren Zhi Jun Tiffany	10	13	12	11
G114	吳珮斯	Ng Pui Sze	11	14	13	12
G115	鄧珮程	Prudence Tang Pui Ching	12	15	14	13
G116	伍婉然	Ng Yuen Yin	13	16	15	14

更新日期：2010年12月20日

中國香港體操總會
2011年全港競技體操公開及新秀比賽
運動員名單及出場次序

男子新秀A組

運動員編號	姓名	Name	單槓	雙槓	自由體操	跳馬
B201	張歷生	Cheung Lik Sang Alex	6	1	10	9
B202	盧俊穎	Lo Chun Wing	-	-	1	-
B203	許竣然	Hui Chun Yin	7	2	2	1
B204	周沛徽	Chau Pui Fai	1	3	3	2
B205	鄭樂羲	Cheng Lok Hei	2	4	4	3
B206	黃宏志	Wong Wang Chi	-	5	5	4
B207	姚浚華	Yiu Tsun Wa	3	6	6	5
B208	魏力恒	Ngai Lik Hang Nick	4	7	7	6
B209	吳浩維	Ng Ho Wei	5	8	8	7
B210	孫睿軒	Suen Yui Hin	-	-	9	8

更新日期：2010年12月23日

中國香港體操總會
2011年全港競技體操公開及新秀比賽
運動員名單及出場次序

女子新秀A組

運動員編號	姓名	Name	自由體操	跳馬	高低槓	平衡木
G201	蔡可可	Tsoi Ho Ho Mavis	5	6	1	4
G202	伍霽賢	Ng Pui Yin	6	1	2	5
G203	蒙淑美	Jasmie Mong	1	2	3	6
G204	尹靖荷	Wan Ching Ho	2	3	-	1
G205	馮鄧瑜	Fung Ying Yu, Ally	3	4	4	2
G206	張彥加	Cheung Yin Ga Janice	4	5	5	3

更新日期：2011年1月5日

中國香港體操總會
2011年全港競技體操公開及新秀比賽
運動員名單及出場次序

男子新秀B1組

運動員編號	姓名	Name	自由體操	跳馬
B301	李彥	Li Ian	13	1
B302	陳胤之	Chan Yan Chi	1	2
B303	熊文正	Hung Man Ching	2	3
B304	黎在朗	Lai Choi Long	3	-
B305	陳易軒	Chan Yik Hin	4	4
B306	潘智浩	Pun Chi Ho	5	5
B307	盧梓森	Lo Tsz Sum	6	6
B308	黃卓賢	Wong Cheuk Yin	7	7
B309	黃洛衡	Wong Lok Hunk	8	8
B310	談俊賢	Tam Chun Yin	9	9
B311	劉天憫	Lau Tin Man	10	10
B312	吳浩鈿	Ng Ho Tin	11	11
B313	林頌軒	Lam Chung Hin	12	12

男子新秀B2組

運動員編號	姓名	Name	自由體操	跳馬
B314	許晉瑋	Hui Chun Wai	13	1
B315	李榮俊	Li Wing Chun	1	2
B316	李映璿	Lee Ying Chun	2	3
B317	郭念	Kwok Nim	3	4
B318	鍾政樑	Chung Ching Leung	4	5
B319	李榮傑	Li Wing Kit	5	6
B320	高嘉誦	Boston Ko Ka Chung	6	7
B321	王正謙	Wong Jing Hymn Joseph	7	8
B322	張朗聰	Cheung Long Chung	8	9
B323	馬浩文	Jonathan Ma	9	10
B324	吳澤賢	Ng Chak Yin	10	-
B325	歐陽卓熙	Au Yeung Cheuk Hei	11	-
B326	戴俊龍	Tai Chun Lung	12	-

中國香港體操總會
2011年全港競技體操公開及新秀比賽
運動員名單及出場次序

男子新秀B3組

運動員編號	姓名	Name	自由體操	跳馬
B327	譚嘉皓	Adrian Tam	1	12
B328	吳卓衡	Ng Cheuk Hang	2	1
B329	陳俊鋒	Chan Chun Fung	3	2
B330	盧冠諺	Low Kwun Yin	4	3
B331	簡駿禧	Kang Chun Hei	5	4
B332	馮奧朗	Fung O Long	6	5
B333	劉朗風	Lau Long Fung Ronald	7	6
B334	劉子健	Lau Tsz Kin	8	7
B335	周灝棋	Chow Ho Ki	9	8
B336	吳家祺	Ng Ka Ki	10	9
B337	陳麒安	Chan, Lawrence Ki-on	11	10
B338	楊卓泓	Yeung Cheuk Wang	12	11
B339	陳韋恆	Chan Wai Hang	13	-

更新日期：2010年12月23日

中國香港體操總會
2011年全港競技體操公開及新秀比賽
運動員名單及出場次序

女子新秀B1組

運動員編號	姓名	Name	自由體操	跳馬	平衡木
G301	朱焯琪	Chu Cheuk Kay	14	1	14
G302	冼愛霖	Sin Oi Lam	-	2	15
G303	劉慧明	Lau Wai Ming	1	3	16
G304	胡泳希	Wu Rain Hei	2	4	1
G305	廖家瑩	Liu Ka Ying	3	5	2
G306	張臻媚	Cheung Chun Mei	4	6	3
G307	鄭以心	Cheng Yee Sum	5	7	4
G308	吳芷晴	Ng Tsz Ching	6	8	5
G309	何卓思	Ho Cheuk See Jessie	7	9	6
G310	何卓怡	Ho Cheuk Yee Cherry	8	10	7
G311	朱慧敏	Chu Wai Man	-	11	8
G312	葉靖希	Ingrid Ip	9	12	9
G313	劉懿心	Lau Yi Sum	-	13	10
G314	川副遙	Kawazoe Haruka	10	14	11
G315	李詠愛	Lee Wing Oi	11	15	12
G316	潘利玲	Pun Lee Ling	12	16	13
G317	吳文蔚	Ng Man Wai	13	-	-

女子新秀B2組

運動員編號	姓名	Name	自由體操	跳馬	平衡木
G318	黃希臨	Wong Hei Lam Haley	12	13	1
G319	范思敏	Fan Sze Man	-	-	2
G320	丁泳	Ting Wing	13	1	3
G321	董若妍	Dung Yeuk In	1	2	4
G322	黃睿晴	Wong Yui Ching	2	3	5
G323	黎正心	Lai Ching Sum Angela	3	4	6
G324	溫芷琦	Wan Chi Kay	4	5	7
G325	區芷婷	Au Tsz Ting Adele	-	-	8
G326	魏楚穎	Ngai Cho Wing	5	6	9
G327	陳彥澄	Chan Yin Ching	-	-	10
G328	張家盈	Rachel Cheung	6	7	11
G329	陳卓琳	Chan Cheuk Lam	7	8	12
G330	丘蘊明	Wan Ming Yau	8	9	13
G331	劉懿桐	Lau Yi Tung	-	-	14
G332	梁敏熹	Jacqueline Leung	9	10	15
G333	鄒立怡	Karina Gabrielle Chow	10	11	16
G334	劉寶欣	Lau Po Yan	11	12	17

中國香港體操總會
2011年全港競技體操公開及新秀比賽
運動員名單及出場次序

女子新秀B3組

運動員編號	姓名	Name	自由體操	跳馬	平衡木
G335	胡筠靖	Wu Kwan Ching	1	13	15
G336	陳梓瑩	Chan Sabrina Tze Ying	-	-	1
G337	施雅倩	Sze Nga Sin	2	1	2
G338	陳霈穎	Chan Pui Wing	-	-	3
G339	鄧倩婷	Tang Sin Ting	-	2	4
G340	黎慧雅	Lai Wai Nga Sophia	-	-	5
G341	關穎霖	Kwan Wing Lam Valerie	3	3	6
G342	楊惠琳	Yeung Wai Lam	-	-	7
G343	蘇慧賢	So Wai Yin	4	4	8
G344	張煒瑋	Cheung Wai Ching Ruby	5	5	9
G345	李情逸	Li Ching Yih	6	6	10
G346	劉曉琳	Vivian Lau	7	7	11
G347	柯庭茵	Kua Ting Yan	8	8	-
G348	張可逸	Cheung Ho Yat	9	9	12
G349	丘蘊慧	Wan Wai Yau	10	10	13
G350	李海晴	Li Hoi Ching	11	11	14
G351	葉皓欣	Yip Ho Yan	-	12	-

更新日期：2010年12月31日